

Bản án số: 94 /2020/HS-PT  
Ngày 01-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Thị Thúy Nga.

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

Ông Phạm Hùng Nuôi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Anh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:***  
Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 11 và ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 52/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Trần Hữu Đức do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**Trần Hữu Đ** (tên gọi khác: **Tùng N**, **Tuấn N**), sinh ngày 14/8/1991; tại L, Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp N1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Thanh N (s) và bà Đặng Kim N (s); Anh, chị, em ruột: 03 người; Vợ: La Thị Trúc L và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 24/10/2011 đến ngày 20/01/2012 được thay thế sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; (Bị cáo có mặt).

***- Người bào chữa cho bị cáo:***

1. Ông Trần Quốc D - Luật sư Văn phòng luật sư Quốc D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Q – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Trung H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: phường B, thành phố Sóc Trăng (có

mặt).

- *Bị hại:*

1. Ông Lý Hoài T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp N1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Lý Tấn P, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp N1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng(có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Thanh D, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2. Ông Lý Thanh T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn Đ, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

3. Ông Trần Thanh N, sinh năm 1963 (có mặt)

4. Ông Trần Hữu N (tên gọi khác: Tùng Em, Tuấn Em) (vắng mặt)

5. Ông Trần Hữu D, sinh năm 1968 (vắng mặt)

6. Ông Trần Hiệp L, sinh năm 1956 (vắng mặt)

7. Bà Quách Việt T, sinh năm 1958(vắng mặt)

8. Bà Đặng Kim N, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp N1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:*

1. Dương Hoàng E, sinh năm 1976. (vắng mặt)

2. Phạm Văn B, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968. (có mặt)

4. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1979. (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn K, sinh năm 1976. (vắng mặt)

6. Ông Lương Đình U, sinh năm 1982. (vắng mặt)

7. Bà Trần Trúc L, sinh năm 1971. (vắng mặt)

8. Ông Hà Thanh D, sinh năm 1961. (có mặt)

Cùng nơi cư trú: thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

9. Ông Lý Hữu T, sinh năm 1984. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp An Đức, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

+ *Điều tra viên:*

1. Ông Lê Đ – Điều tra viên Công an huyện Long Phú. (có mặt)

2. Ông Trần M – Cán bộ Điều tra Công an huyện Long Phú. (vắng mặt)
3. Ông Lê A – Điều tra viên Công an huyện Long Phú. (vắng mặt)
4. Ông Trần Q – Điều tra viên Công an huyện Long Phú. (có mặt)

Cùng địa chỉ: thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

+ *Giám định viên:*

1. Ông Nguyễn Triệu T - Giám định viên. (có mặt)
2. Ông Nguyễn Tấn H – Giám định viên. (vắng mặt)
3. Ông Diệp Thanh T – Giám định viên. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Trung tâm Pháp Y – Sở y tế tỉnh Sóc Trăng. phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 12/02/2011, tại lộ đal thuộc ấp N1, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xuất phát từ việc va chạm xe mô tô khi tham gia giao thông giữa bị cáo Trần Hữu Đ với Lý Thanh T (em bị hại T) dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi và đánh nhau. Sau đó, bị hại Lý Hoài T trên tay cầm sợi dây nịch chạy lại nhà của bị cáo Trần Hữu Đ hỏi ai đánh Lý Thanh T thì hai bên cự cãi và đánh nhau qua lại bằng tay. Lúc này, bị cáo Trần Hữu Đ từ trong nhà chạy ra trên tay cầm 01 cây dao tự chế dài khoảng 50cm-60cm chém trúng vào vùng đỉnh đầu bên phải của bị hại Lý Hoài T gây thương tích tỷ lệ 02% và chém trúng vào lưng Lý Tấn P gây thương tích tỷ lệ 06%.

Sau khi xuất viện bị hại Lý Hoài T và Lý Tấn P làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo Trần Hữu Đ đã gây thương tích cho mình.

#### **Đối với thương tích của bị hại Lý Hoài T:**

- Tại Kết luận giám định số: 91/TgT-PY ngày 25/3/2011 và Kết luận giám định bổ sung số: 171 ngày 27/5/2011 của giám định Sóc Trăng (BL số 37-38) kết luận tỷ lệ thương tích của bị hại Lý Hoài T:

- + *Sẹo phần mềm đỉnh phải kích thước 04cm x 0,3cm là 04%;*
- + *03 sẹo bỏng vùng lưng; khớp vai hạn chế vận động là 03%;*
- + *Chấn thương khớp vai trái: 12%;*

*Tổng tỷ lệ: 19%; Không xác định được vật gây thương tích do trong giấy chứng nhận thương tích không mô tả được tính chất của vết thương.*

- Tại Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số: 13/TgT-PY ngày 20/01/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng (BL số 1570) kết luận thương tích của bị hại Lý Hoài T: *Sẹo vùng đỉnh đầu bên phải phù hợp với hung khí là cây dao gây nên.*

- Công văn số 75/TTPY-GĐTH ngày 06/7/2017 của Trung tâm giám định pháp y Sóc Trăng (BL 1751) trả lời:

+ Trong bản kết luận giám định số: 91/TgT-PY ngày 25/3/2011 và kết luận số 171 ngày 27/5/2011 không xác định được vật gây thương tích là do cơ quan cảnh sát điều tra huyện Long Phú không cung cấp được vật chứng và bản ảnh xem xét dấu vết trên thân thể.

+ Trong bản kết luận giám định số: 13/TgT-PY ngày 20/01/2017 của Trung tâm pháp y dựa trên hung khí gồm ( 01 cây tuýp bằng kim loại hình trụ dài 37cm và 01 cây dao tự chế cán hình trụ bằng gỗ dài 23cm, lưỡi dao hình cung bằng kim loại dài 42cm và bản ảnh xem xét dấu vết trên thân thể của bị hại Lý Hoài T) do cơ quan điều tra Công an huyện Long Phú cung cấp; thương tích vùng đỉnh đầu bên phải phù hợp với hung khí là cây dao gây nên.

*Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 139/Ttg ngày 27/12/2017 của Viện Pháp y Quốc gia, phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của nạn nhân Lý Hoài T sẹo thái dương phải là 02%.*

Còn các kết luận giám định sau này, do thương tích của bị Lý Hoài T đã được xử lý xong, nên không có cơ sở xác định vật gây thương tích.

**\* Đối với thương tích của bị hại Lý Tấn P:** Tại Kết luận giám định số: 92/TgT-PY ngày 25/3/2011 kết luận tỷ lệ thương tích của bị hại Lý Tấn P là 06%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị hại Lý Tấn P rút yêu cầu và không có yêu cầu xử lý đối với hành vi của bị cáo Trần Hữu Đ đã gây thương tích cho bị hại Lý Tấn P và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Phú cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu Đ khai nhận rằng: Bị cáo không có dùng dao chém trúng vào đầu của bị hại Lý Hoài T như bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thấy bà Đặng Kim N (mẹ bị cáo Đ) bị bị hại Lý Hoài T nắm đầu kéo xuống đánh, nên bị cáo Đ có dùng cây ty thuộc xe quơ không xác định có trúng bị hại T hay không thì bị cáo Đ không rõ. Sau đó, thấy bị hại Lý Tấn P đánh nhau với ông Trần Thanh N (cha bị cáo Đ) nên bị cáo Đ nhặt miếng kiếng dùng làm hồ cá quơ đánh bị hại P trúng nhưng không rõ trúng đâu.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS-LP ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú truy tố bị cáo Trần Hữu Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

**Tuyên bố:** Bị cáo Trần Hữu Đ (Tùng N, **Tuấn** N), phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

### **Tuyên xử:**

1. Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ (Từng N, **Tuấn N**): **06 (sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 24/10/2011 đến ngày 20/01/2012.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Các Điều 604, 609 của Bộ luật dân sự năm 2005:

Buộc bị cáo Trần Hữu Đ có nghĩa vụ bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho bị hại Lý Hoài T với tổng số tiền là 29.976.000 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại Lý Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo Trần Hữu Đ còn phải trả lãi cho bị hại Lý Hoài T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 20/7/2020, bị cáo Trần Hữu Đ kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Hữu Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan.

- Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Nguyễn Văn Q và Luật sư Trần Quốc D đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm d khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 359 Bộ luật hình sự tuyên hủy bản án sơ thẩm số 12/2020/HSST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, tuyên bố bị cáo không phạm tội Cố ý gây thương tích và đình chỉ vụ án.

- Người bị hại Lý Hoài T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm hình phạt cho bị cáo từ 2 tháng đến 3 tháng tù do bị cáo gây thương tích cho bị hại Thanh 2%, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Hữu Đ ngày 20/7/2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Hữu Đ về việc kêu oan.

[2] Tại phiên tòa: Ông Lý Tấn P vắng mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lê Thanh D, Lý Thanh T, Trần Hữu N, Quách Việt T, Trần Hữu D, Trần Hiệp L đều vắng mặt; Người làm chứng gồm: Dương Hoàng E, Phạm Văn B, Lê Thanh P, Lương Đình U, Trần Trúc L, Hà Thanh D, Nguyễn K đều vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Bản án của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội Cố ý gây thương tích, bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội danh nêu trên là oan cho bị cáo.

[4] Xét hành vi Cố ý gây thương tích của bị cáo Trần Hữu Đ:

[4.1] Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng có mặt tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện như sau:

[4.1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hữu Đ, ông Trần Thanh N, bà Đặng Kim N đều khai thống nhất: *khi bị cáo trong nhà chạy ra thì lúc đó bà N và ông Lý Hoài T hai tay đang nắm đầu nhau qua lại*. Điều này chứng minh bị hại Lý Hoài T khi đang câu vật với bà N không có sử dụng hung khí gì.

[4.1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hữu Đ, trình bày: *giữa bị cáo và ông Nguyễn K là hàng xóm, không có mâu thuẫn, xích mích nhau, chỉ mới xảy ra mâu thuẫn gần đây do giữa ông K với người bà con trong gia đình xảy ra tranh chấp đất đai*. Giữa ông Ý với bị cáo và bị hại không có bà con.

[4.1.3] Tại Tờ nhận tội ngày 01/12/2011 và biên bản hỏi cung bị can ngày 21/02/2012 có Luật sư Nguyễn Việt C (là Luật sư do gia đình bị cáo yêu cầu) tham gia, bị cáo khai “ *Thương tích của T và P là do bị cáo gây ra trong lúc đánh nhau với họ*” (bút lục 203-204). Tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm, phúc thẩm trước đây bị cáo khai: *Khi T nắm đầu mẹ bị cáo thì bị cáo đến để giải vây, sau khi bị cáo dùng ống tuýp quơ trúng T thì T chồm tới* (Bút lục 836), tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/3/2013 khi luật sư Nguyễn Việt C hỏi bị cáo Đ “ *Bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra từ trước đến nay có đúng không?* Đ: Đúng; H: Có bị ép để cho lời khai không? Đ: Không. H: Tại sao hôm nay bị cáo nói không biết là sao? Đ: do bị cáo không

*nhớ (BL 845). Cũng tại phiên tòa này khi Chủ tọa công bố các biên bản hỏi cung bị can Trần Hữu Đ lúc 08 giờ ngày 21/02/2012 tại Công an huyện Long Phú do Điều tra viên Lê A lập và biên bản hỏi cung bị can lúc 07 giờ 55 ngày 24/9/2012 tại Công an huyện Long Phú do Điều tra viên Lê A lập, sau đó Chủ tọa hỏi bị cáo Đ: Bị cáo có nghe rõ nội dung biên bản hỏi cung mà Hội đồng xét xử vừa công bố không? Bị cáo Đ đáp: nghe rõ. Chủ tọa hỏi bị cáo: Trong quá trình điều tra, bị cáo tự khai hay bị cáo có bị ai ép buộc để khai hay không? Đ: Bị cáo tự khai (bút lục 851).*

[4.1.4] Tại phiên tòa ngày 30/12/2014 khi Luật sư Bạch Sỹ C hỏi bị cáo Đ: *Lời khai của bị cáo có Luật sư C và kiểm sát viên P tham gia có đúng không? Đ: Đúng. H: Bị cáo cầm cây ty phụộc xe bị cáo quơ có trúng ai không? Đ: Bị cáo không biết vì lúc đó rất đông (bút lục 1471- 1472)*

[4.1.5] Tại biên bản đối chất ngày 04/10/2012 giữa người làm chứng Nguyễn K và bị cáo Trần Hữu Đ (bút lục 491-492): Nhân chứng K khai: *thấy bị cáo dùng cây dao mũi vạt xéo dài khoảng 50cm xông ra chém tên T, sau đó quay sang chém trúng lưng một thanh niên đang khom lưng đề với ai, tôi không rõ mặt, người này sau đó tôi mới biết là Phát. Bị cáo Đ khai: tôi khẳng định là tôi có gây thương tích cho T nhưng không xác định là ở đâu trên người T.*

[4.1.6] Lời khai của nhân chứng Nguyễn K tại các biên bản lời khai từ ban đầu cho đến quá trình tham gia tố tụng tại các phiên tòa đều khai thống nhất là *trực tiếp thấy bị cáo Đ cầm cây dao mũi vạt xéo dài khoảng 50cm chém bị hại Lý Hoài T và sau đó quay sang chém một người thanh niên sau này mới biết là người đó tên P.*

[4.1.7] Tại tờ tường trình ngày 12/12/2011 của nhân chứng Dương Hoàng E và nhân chứng Phạm Văn B là 02 Công an đến hiện trường can ngăn các bên ẩu đã tường trình như sau: *Thấy người thứ nhất cầm một cây sắt giống cây đập nước đá, người thứ hai trên tay cầm một cây giống như cây dao (màu đen) (bút lục 17). Tờ tường trình này được nộp sau khi sự việc vừa xảy ra.*

[4.1.8] Lời khai của nhân chứng Nguyễn Văn K trong tất cả các bản khai và tại các phiên tòa đều khai thống nhất: *thấy Đ cầm dao ra chém T và P, khi thấy Đ cầm dao ông có nói “Nó tay không sao mày cầm dao” thì bị Đ nói “Ông la lên một hồi tôi chém ông luôn”*

[4.1.9] Lời khai của bị hại Lý Hoài T *sau khi bị chém quay lại thấy Đ cầm dao và thấy Đ dùng dao chém bị hại P.*

[4.1.10] Tại bản luận cứ của Luật sư Nguyễn Văn Q- là người bào chữa cho bị cáo- phần kết luận có nêu: *Như vậy, theo những nội dung trình bày trên và hồ sơ có trong vụ án này thì các tài liệu được xem là hợp pháp chỉ có những tài liệu ban đầu thu thập được đến thời điểm khởi tố vụ án ngày 12/10/2011 và kết thúc ngày 12/02/2012.*

[4.1.11] Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của bị hại Lý Hoài T và các bản ảnh (bút lục từ 25-27) cho thấy: *Vết thương ở vùng đỉnh đầu bên phải khoảng 04cm phù hợp với vết thương được mô tả trong các hồ sơ bệnh án số:*

5173, 5283, 5835 (bút lục từ 2110- 2191), và giấy chứng nhận thương tích số: 108/CNTT-2011 ngày 10/3/2011 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng.

[4.1.12] Tại Bản kết luận định pháp y bổ sung thương tích số:13/TgT-PY ngày 20/11/2017 (căn cứ vào các tài liệu gồm: giấy chứng nhận thương tích số 108/CNTT-2011 ngày 10/3/2011 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng; Bản kết luận định pháp y về thương tích số; 91/TgT-PY ngày 25/03/2011 và Bản kết luận định pháp y về thương tích số 171/TgT-PY ngày 27/5/2011) kết luận sẹo vùng đỉnh đầu bên phải của bị hại Lý Hoài T phù hợp với hung khí là cây dao.

[4.2] Từ các cơ sở trên có căn cứ xác định: Vết thương trên vùng đỉnh đầu bên phải của bị hại Lý Hoài T xảy ra tại hiện trường xảy ra xô xát khu vực nhà của bị cáo Trần Hữu Đ. Việc bị cáo thừa nhận gây thương tích cho bị hại T tại tờ nhận tội và biên bản hỏi cung có người bào chữa cho bị cáo tham gia là phù hợp với lời khai của những người làm chứng Nguyễn K, Nguyễn Văn K, Lý Hữu T, Dương Hoàng E, Phạm Văn B và phù hợp với lời khai của bị hại Lý Hoài T, phù hợp với biên bản xem xét dấu vết thân thể của bị hại Lý Hoài T và các bản ảnh (bút lục số 25, 26, 27), phù hợp với Bản kết luận định pháp y bổ sung thương tích số: 13/TgT-PY ngày 20/11/2017, phù hợp với hồ sơ bệnh án của bị hại Lý Hoài T do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng cung cấp. Nên có căn cứ xác định: bị cáo đã dùng dao gây thương tích vùng đỉnh đầu bên phải của bị hại T. Việc bị cáo khai là dùng cây ty thuộc xe quơ gây thương tích cho bị hại T là không có căn cứ, vì tại bản ảnh khi xem xét dấu vết trên cơ thể của bị hại T thì vết cắt tương đối sắc và dài nên ty thuộc xe không thể gây ra vết thương này. Đối với việc bà Đặng Kim N, mẹ của bị cáo khai bà có dùng miếng lu quơ vào đầu của bị hại T, tuy nhiên khi làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm bà N mô tả miếng lu này bà không nhớ kích thước nhưng bà nhớ là cầm gọn trong tay, bà N khai bà quơ rất mạnh vào vùng đầu của bị hại T nhiều cái nhưng tay bà không bị trầy hay bị đứt, nên có căn cứ xác định miếng lu không phải là hung khí gây ra vết thương này. Việc bị cáo và những người bào chữa cho bị cáo đặt ra là người làm chứng Nguyễn Văn K là dương của bị hại T, còn người làm chứng Lý Hữu T là cậu ruột của bị hại T nên lời khai của hai người này là không khách quan, xét thấy, mặc dù ông Văn K và ông Hữu T là người thân của bị hại T, nhưng lời khai của những người này phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[4.3] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận thương tích vùng đỉnh đầu bên phải của bị hại Lý Hoài T là do bị cáo Trần Hữu Đ gây ra.

[4.4] Đối với vấn đề người bào chữa cho bị cáo đặt ra trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Phú và Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng có 09 điểm vi phạm về tố tụng ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đến năm 2013 chủ yếu là vi phạm về thời hạn điều tra, tuy nhiên vào ngày 27/5/2016 Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 21/2016/HS-GĐT hủy bản án hình sự phúc thẩm số

100/2014/HSPT ngày 31/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2014/HSST ngày 08/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng vì cho rằng hai bản án trên tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ không phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Nên việc người bào chữa đặt ra là không căn cứ chấp nhận.

[4.5] Người bào chữa cho bị cáo có đặt ra quá trình điều tra chưa làm rõ động cơ, mục đích gây án của bị cáo, nếu làm rõ thì trường hợp của bị cáo là phòng vệ chính đáng và với tỷ lệ thương tích 2% không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Xét thấy, sự việc xảy ra bị hại có lỗi là gây sự với gia đình bị cáo trước, người làm chứng Dương Hoàng E và Phạm Văn B trong tờ tường trình ban đầu sau khi xảy ra sự việc đã trình bày: *các ông thấy bà N vợ ông N nhào ra bị người bên phía con bà G nắm đầu ghì xuống mặt lộ đal, lúc đó 3 cha con ông N chạy ra trên tay cầm hung khí, hai bên sắp lá cà... (bút lục 16-17).* Đồng thời, như đã phân tích, khi 2 bên ẩu đả nhau thì bị hại T và P không có cầm vật gì tấn công ba và mẹ của bị cáo, bị cáo thì có cầm hung khí tấn công bị hại, nên việc bị cáo gây thương tích cho bị hại T không thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng. Cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng tình tiết “động cơ phạm tội của bị cáo Đ có một phần lỗi của bị hại Lý Hoài T” là có căn cứ. Trình bày của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4.6] Hành vi của bị cáo là dùng hung khí nguy hiểm đã gây thương tích cho bị hại Lý Hoài T tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2% đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4.7] Đề nghị của những người bào chữa cho bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm d khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 359 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HSST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ không phạm tội “Cố ý gây thương tích” và đình chỉ vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

[4.8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4.9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội bị cáo có tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 200.000 đồng (tuy nhiên, số tiền này cơ quan thi hành án dân sự huyện Long Phú đã trả lại bị cáo Đ, do trước đây Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm tuyên bị cáo Đ không phạm tội); Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội có phần lỗi của bị hại Lý Hoài T gây chuyện trước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.10] Tuy nhiên, xét động cơ phạm tội của bị cáo Trần Hữu Đ là có lỗi một phần của bên bị hại Lý Hoài T qua nhà bị cáo Đ gây chuyện với gia đình của bị cáo Đ trước, từ đó, do thiếu sự kiểm chế, bị cáo Trần Hữu Đ đã gây thương tích cho bị hại T tỷ lệ 2%. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt không tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, thời gian bị cáo tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chủ trương chính sách và pháp luật của nhà nước, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét điều kiện, hoàn cảnh và mức độ phạm tội của bị cáo, thấy rằng không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tinh thần của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lý Hoài T yêu cầu bị cáo Trần Hữu Đ bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 29.976.000 đồng bao gồm các khoản chi phí: chi phí điều trị 21.766.000 đồng; tiền xe đi nằm viện và về (Đại Ngải, Sóc Trăng và TP. Hồ Chí Minh) và tiền xe đi giám định là 3.210.000 đồng; tiền tổn thất công lao động (người nuôi bệnh và người bệnh) là 5.000.000 đồng, ngoài ra bị hại T không có yêu cầu bồi thường khoản nào khác. Các chi phí này là chi phí thực tế và chi phí hợp lý phù hợp Điều 604, 609 Bộ luật dân sự năm 2005, nên cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lý Hoài T số tiền 29.976.000 đồng là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Hữu Đ, sửa một phần quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[9] Tại phiên tòa, những người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu Đ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hữu Đ không phạm tội là không có căn cứ chấp nhận như đã phân tích phần trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Hữu Đ. Sửa một phần quyết định về hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

#### **Tuyên xử:**

1. Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ (Tùng N, **Tuấn** N): 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm về Tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 01 tháng 12 năm 2020.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Trần Hữu Đ (Tùng N, **Tuấn** N) cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trần Hữu Đ (Tùng N, **Tuấn** N) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Các Điều 604, 609 của Bộ luật dân sự năm 2005:

Buộc bị cáo Trần Hữu Đ có nghĩa vụ bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho bị hại Lý Hoài T với tổng số tiền là 29.976.000 đồng (*hai mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại Lý Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo Trần Hữu Đ còn phải trả lãi cho bị hại Lý Hoài T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Khoản 1 và khoản 3 Điều 22; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Hữu Đ phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Hữu Đ phải chịu là 1.498.800 đồng (*Một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng*).

5. Về án phí hình sự phúc thẩm : bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*)

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện Long Phú (02);
- VKSND huyện Long Phú (01)
- CQĐT - Công an huyện Long Phú (01);
- CQTHAHS-Công an huyện Long Phú (01);
- Chi cục THADS huyện Long Phú (01);
- Bị cáo, bị hại, NLQ, LS (20).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp (01);
- UBND TT Đ, (01)
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Tăng Thị Thúy Nga**